

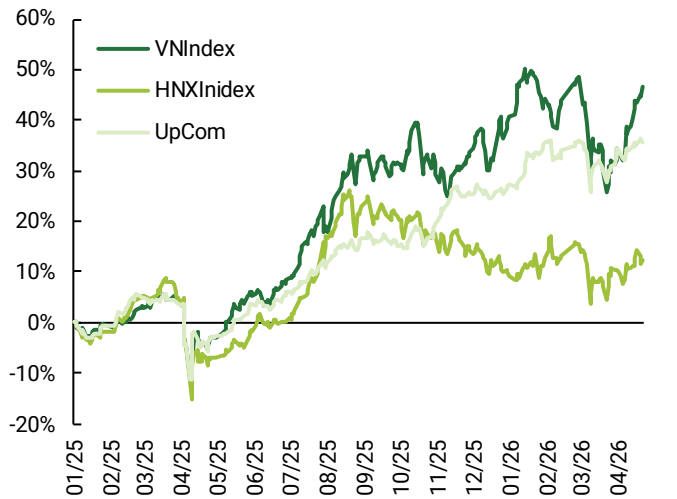
VN-Index **1857.3 (1.30%)**
788 Tr. cổ phiếu 21832.5 Tỷ VND (-14.00%)

HNX-Index **255.36 (0.83%)**
80 Tr. cổ phiếu 1430.6 Tỷ VND (14.59%)

UPCOM-Index **128.86 (-0.29%)**
24 Tr. cổ phiếu 406.4 Tỷ VND (-59.05%)

VN30F1M **2040.60 (2.13%)**
322,570 HD OI: 36,567 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1857.3, tăng +23.8 điểm (+1.30%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại, song, đà đi lên chủ yếu được nâng đỡ bởi các cổ phiếu trụ, dẫn đầu là nhóm Vingroup. Diễn biến vòng đàm phán thứ hai giữa Mỹ và Iran chưa có tín hiệu rõ ràng càng làm cho tâm lý thị trường thêm thận trọng.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: NVL (+5.9%), SJS (+6.9%), VIC (+7.0%) | Hóa chất: BFC (+1.1%), DGC (+2.8%) | Du lịch và Giải trí: HVN (+1.3%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: STB (-1.8%), EIB (-1.3%) | Dịch vụ tài chính: FTS (-2.0%), BSI (-1.5%), EVF (-1.5%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-3.0%), VTP (-2.9%), VSC (-1.7%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: NT2 (-1.9%), POW (-0.8%), GAS (-0.8%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, NVL, TCB, VRE - Chiều giảm | HPG, STB, GEE, VCB, GAS
Khối ngoại Bán ròng gần 90 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, VHM, MSB, trong khi mua ròng MWG, VIC, MSN.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** bật tăng trở lại trên ngưỡng 1850 điểm nhưng thanh khoản sụt giảm mạnh, chưa xác nhận cho động lực. Đồng thời, số lượng mã giảm vẫn chiếm ưu thế, phản ánh độ rộng thị trường tiếp tục suy yếu. Chỉ báo RSI cũng đang tiến gần vùng quá mua, hàm ý động lượng tăng khả năng chững lại. Trong kịch bản cơ sở, chỉ số có thể tiếp tục tăng theo quán tính nhờ lực kéo từ nhóm trụ, hướng tới các mục tiêu kỹ thuật cao hơn (1880 | 1910). Tuy nhiên, xu hướng sẽ thiếu bền vững nếu độ rộng thị trường không cải thiện, qua đó làm gia tăng rủi ro đảo chiều và quay lại kiểm định vùng 1800 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số bật tăng nhưng chưa phủ định được đà giảm của phiên trước, bên cạnh thanh khoản thấp, hàm ý lực cầu mua lên chưa thuyết phục. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc, kiểm định thêm vùng 252 – 258.
- **Chiến lược:** Vị thế nghiêng về Nắm giữ, tránh mua thêm binh quân khi giá giảm. Mặt bằng cổ phiếu đang trở về kiểm định nền giá ngắn hạn, chỉ nên xem xét gia tăng tỷ trọng khi có tín hiệu phục hồi kèm thanh khoản xác nhận. Ngược lại, trong trường hợp xuất hiện dấu hiệu sập gãy hỗ trợ, cần chủ động hạ tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Các nhóm ngành đáng chú ý gồm: Ngân hàng, Tiêu dùng, Chứng khoán, Đầu tư công và Bất động sản.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi VRE (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,857.3 ▲	1.3%	3.1%	12.7%	21,832.5 ▼	-14.0%	-22.9%	-29.9%	788.5 ▼	-17.7%	-17.1%	-18.1%
HNX-Index	255.4 ▬	0.8%	1.0%	4.9%	1,430.6 ▲	14.6%	-29.7%	-3.4%	80.3 ▲	17.0%	-29.0%	-1.6%
UPCOM-Index	128.9 ▼	-0.3%	0.0%	4.1%	406.4 ▼	-59.1%	-46.0%	-53.5%	24.4 ▼	-49.7%	-35.3%	-60.8%
VN30	2,025.4 ▬	0.9%	3.3%	12.6%	11,092.5 ▼	-21.0%	-30.9%	-34.6%	267.2 ▼	-27.2%	-27.9%	-35.6%
VNMID	2,229.8 ▬	0.0%	-0.8%	5.6%	9,037.2 ▼	-1.1%	-11.9%	-7.3%	370.3 ▼	-7.7%	-21.4%	-9.4%
VNSML	1,412.1 ▼	0.0%	-0.7%	1.5%	864.1 ▼	-33.6%	-36.2%	-40.6%	57.8 ▼	-31.4%	-35.2%	-26.5%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	634.8 ▼	-0.1%	0.18%	5.3%	4,716.9 ▼	-21.16%	-21.4%	-26.2%	194.2 ▼	-16.9%	-27.0%	-29.5%
Bất động sản	970.3 ▲	4.9%	13.0%	37.2%	4,864.4 ▼	-2.8%	-15.0%	11.5%	128.7 ▼	-18.1%	-11.9%	-17.0%
Dịch vụ tài chính	313.5 ▼	-0.6%	-2.7%	4.3%	2,184.6 ▼	-37.9%	-41.7%	-36.9%	95.1 ▼	-38.4%	-41.6%	-38.3%
Công nghiệp	272.7 ▼	-0.8%	-1.3%	8.2%	2,787.4 ▲	165.0%	172.5%	122.2%	99.7 ▲	234.7%	264.5%	195.9%
Tài nguyên cơ bản	551.5 ▼	-1.1%	-0.2%	9.5%	934.0 ▼	-71.6%	-35.3%	-26.3%	38.8 ▼	-69.0%	-33.8%	-26.2%
Xây dựng - Vật Liệu	178.5 ▼	-0.2%	-2.7%	2.9%	919.3 ▼	-20.6%	-30.3%	-38.3%	46.9 ▼	-19.5%	-25.4%	-34.4%
Thực phẩm	507.9 ▬	0.1%	-8.0%	-31.0%	1,184.1 ▼	-25.0%	-22.3%	-9.5%	28.6 ▼	-20.5%	-16.9%	-9.2%
Bán Lẻ	1,592.5 ▬	0.6%	3.6%	6.8%	996.0 ▲	2.5%	3.6%	16.0%	12.2 ▼	-6.0%	-3.1%	4.6%
Công nghệ	403.6 ▼	-0.6%	-1.6%	0.5%	652.7 ▬	0.6%	-20.1%	-5.4%	9.3 ▲	2.2%	-22.0%	-8.2%
Hóa chất	181.3 ▬	0.4%	-0.9%	4.4%	567.1 ▲	26.9%	-5.9%	-28.6%	14.7 ▲	19.2%	-10.1%	-31.0%
Tiện ích	750.3 ▼	-0.4%	-0.7%	-2.8%	363.4 ▼	-2.4%	-7.0%	-36.0%	18.5 ▲	23.6%	7.0%	-21.7%
Dầu khí	106.0 ▼	-0.8%	-1.2%	-6.7%	338.1 ▼	-19.3%	-30.6%	-52.6%	11.1 ▼	-22.0%	-31.7%	-52.5%
Dược phẩm	420.4 ▼	-1.5%	-0.6%	-2.4%	31.9 ▲	1.2%	-25.0%	-39.2%	1.3 ▼	-3.7%	-14.7%	-25.8%
Bảo hiểm	110.3 ▼	-0.7%	-4.5%	-4.9%	40.8 ▲	10.1%	-35.8%	-48.2%	1.0 ▼	-2.4%	-27.9%	-44.5%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,857.3 ▲	1.30%	4.1%	17.0x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,480 ▼	-0.25%	17.5%	16.9x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,542 ▼	-0.24%	-12.8%	17.8x	2.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,618 ▼	-0.24%	2.6%	16.8x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,990 ▼	-0.48%	-1.0%	9.3x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,106 ▬	0.52%	3.5%	0.1x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,163 ▼	-1.22%	2.1%	13.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	59,586 ▬	0.40%	18.4%	23.1x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,064 ▼	-0.63%	3.2%	27.7x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	49,149 ▼	-0.59%	2.3%	24.4x	5.6x
FTSE 100	Anh	10,496 ▼	-0.02%	5.7%	16.8x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,925 ▼	-0.09%	2.3%	17.3x	2.5x
DXY		98.3 ▬	0.21%	0.0%		
USDVND		26,322 ▼	-0.027%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

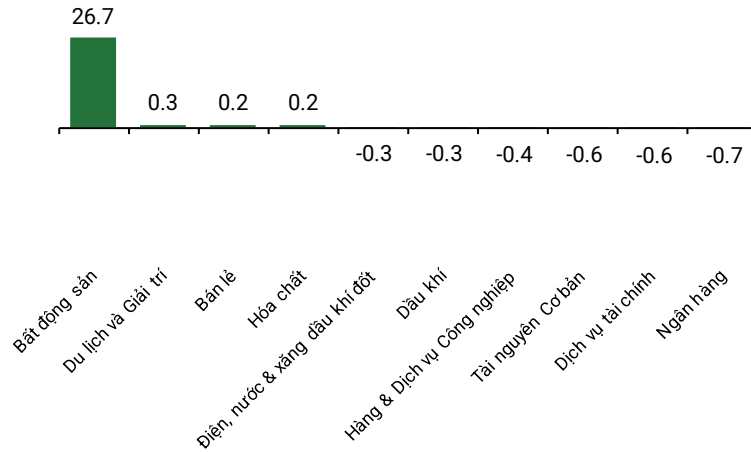
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.5%	-11.8%	62.6%	46.7%
Dầu WTI	▼	-2.3%	-8.5%	56.7%	39.9%
Khí gas	▲	1.1%	-11.9%	-26.0%	-9.3%
Than cốc (*)	▬	0.0%	7.2%	3.5%	9.6%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	2.0%	2.6%	2.0%
PVC (*)	▲	1.1%	-13.2%	12.3%	4.0%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	27.8%	108.6%	120.8%
Cao su thiên nhiên	▲	1.2%	10.5%	16.3%	25.3%
Bông Cotton	▬	0.1%	16.4%	21.9%	16.8%
Đường	▲	1.2%	-13.4%	-9.5%	-24.5%
World Container Index	▬	0.0%	3.4%	1.5%	2.5%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.4%	-3.3%	117.2%	151.8%
Vàng	▬	0.77%	5.9%	10.1%	40.7%
Bạc	▲	1.58%	14.7%	8.8%	139.7%

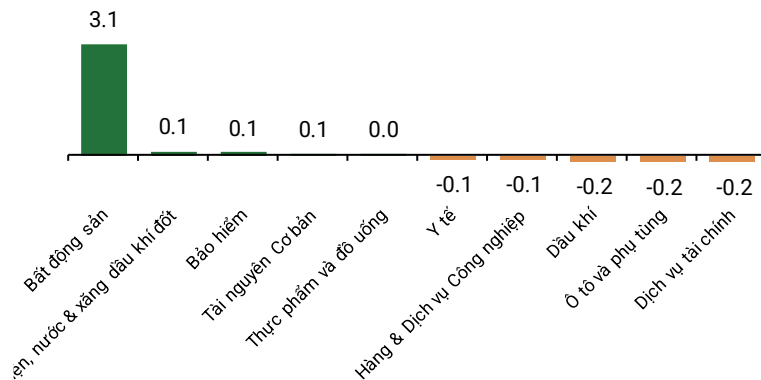
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

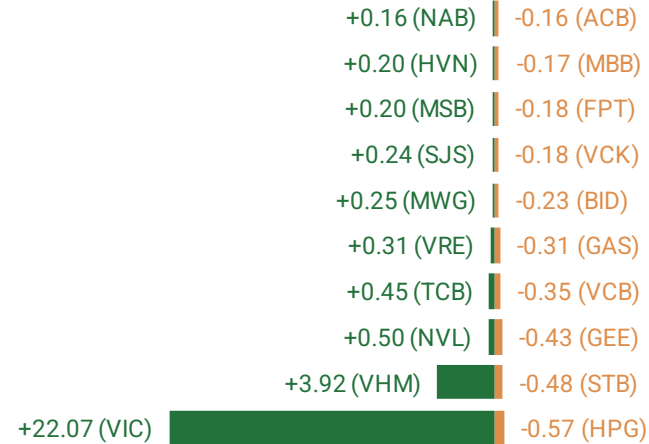
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



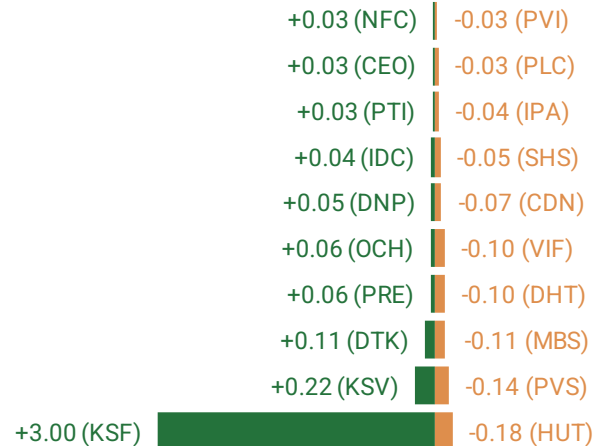
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

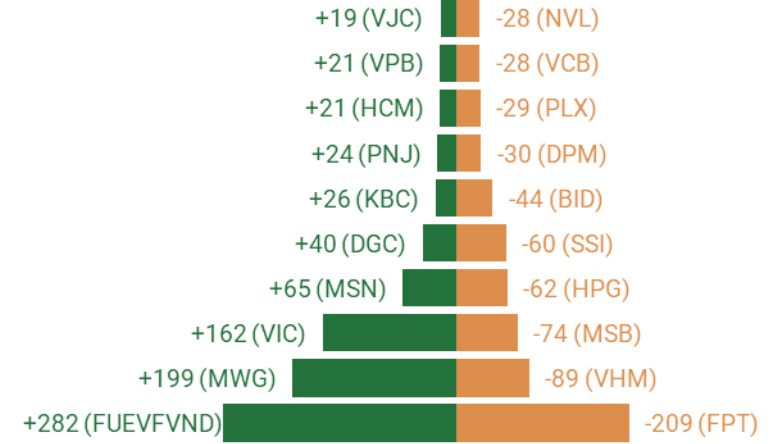


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

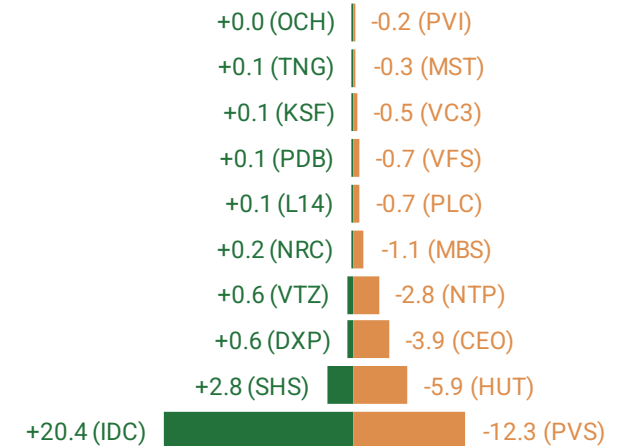


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VHM	VIC	MWG	HPG	NVL
%DoD	3.1%	7.0%	0.9%	-1.2%	5.9%
Giá trị	1,290	956	787	785	759

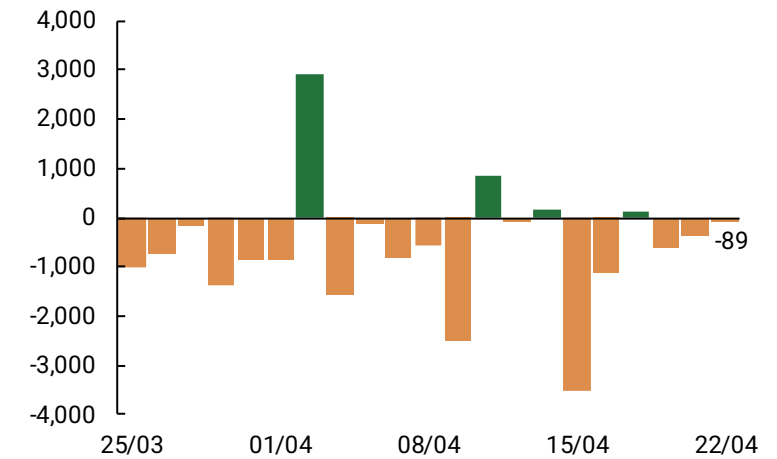
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VSC	PNJ	VPB	VIX	VHM
%DoD	-1.7%	-1.7%	0.0%	0.0%	3.1%
Giá trị	1,673	291	213	191	161

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



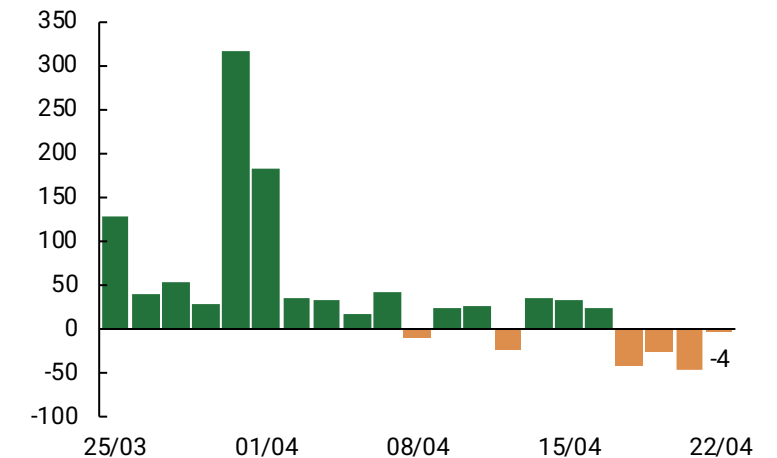
	SHS	CEO	IDC	PVS	VC3
%DoD	-0.6%	0.6%	0.4%	-1.3%	0.4%
Giá trị	140	113	86	85	47

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	HUT	TIG	PPT	TNG
%DoD	-0.6%	-1.8%	0.0%	-0.6%	0.0%
Giá trị	617	21	8	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)

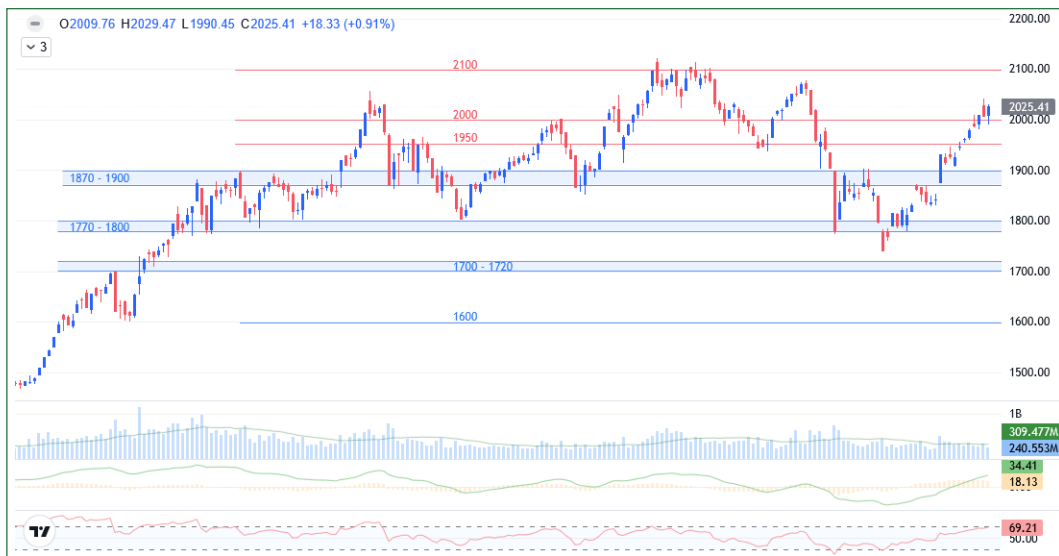




Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1760 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1850 | 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số bật tăng trở lại trên ngưỡng 1850 điểm. Dù vậy, đà tăng vẫn bị chi phối bởi các trụ lớn, trong khi thanh khoản sụt giảm mạnh hàm ý lực cầu chưa đồng thuận. Bên cạnh đó, chỉ báo RSI cũng gần tiếp cận mức quá mua cao. Chỉ số có thể tiếp tục tăng rớt nhờ lực kéo ở nhóm trụ, tuy nhiên xu hướng này sẽ thiếu bền vững nếu độ rộng thị trường không được cải thiện, qua đó làm gia tăng rủi ro đảo chiều và kiểm định lại vùng 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1950 | 1900.
- ✓ Kháng cự: 2000 | 2070.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số cho thấy phản ứng bật tăng khi tiếp cận mốc 2000 điểm. Dù vậy, thanh khoản thấp chưa xác nhận cho tín hiệu này. Đà tăng chủ yếu được thúc đẩy bởi nhóm Vingroup, trong khi các mã trong rổ VN30 chưa đồng thuận. Trong trường hợp độ rộng không được cải thiện, rủi ro điều chỉnh về khu vực 1950 – 1960 điểm sẽ gia tăng.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	VRE	WATCH	Current price	29.95	P/E (x)	10.6
Exchange	HOSE		Watch zone	28 - 28.5	P/B (x)	1.4
Sector	Real Estate Holding & Development		Target price	32	EPS	2836.7
			Cut loss price	26.5	ROE	14.3%
				Stock Rating	BBB	
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá tạo nền tích lũy tốt.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và vượt lên miền dương, cùng với RSI cũng giữ đà tăng trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh lành mạnh và có thể quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh về hỗ trợ 28 – 28.5.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VRE	Theo dõi	23/04/2026	29.95	28 - 28.5	-	32	13.27%	26.5	-6.19%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	28.45	28.5 - 29	-1.0%	32	11.30%	26.8	-6.78%	
2	SIP	Mua	09/04/2026	-	59.4	60.5 - 61	-2.2%	68	11.93%	57	-6.17%	
3	VIB	Mua	09/04/2026	-	17.3	17.1 - 17.3	0.9%	18.7	9.04%	16.3	-4.96%	
4	HPG	Mua	14/04/2026	-	28.2	27.6 - 27.8	1.8%	31	11.91%	26	-6.14%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2040.6, tăng 42.6 điểm (+2.1%). Giá hạ nhiệt trong phiên sáng nhưng đã phục hồi và trở lại quán tính đi lên mạnh mẽ trong phiên chiều.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá hình thành cụm nến tăng Marubozu nhưng chỉ báo RSI vừa tiếp cận mức quá mua, động lượng có thể chững lại và trạng thái cần hạ nhiệt để tái tạo lại đà. Bên cạnh đó, mức chênh lệch basis đang ở mức cao hơn 15 điểm. Khu vực quanh 2025 – 2030 khả năng được kiểm định lại. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 2030. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2015.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1954.9, tăng 36.8 điểm (+1.9%). Độ lệch basis 10.9 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 48 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1940 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1960 điểm.

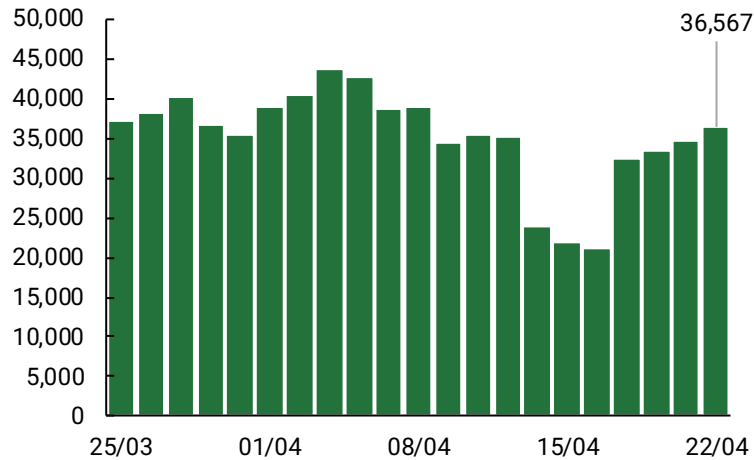
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2030	2045	2020	15 : 10
Short	< 2015	2000	2025	15 : 10

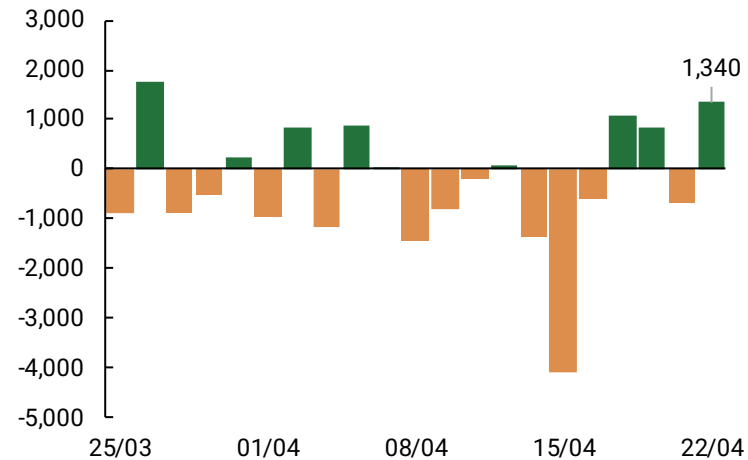
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,026.0	28.1	17	16	2,045.5	-19.5	17/12/2026	239
4111G9000	2,036.9	42.4	67	329	2,037.8	-0.9	17/09/2026	148
4111G6000	2,038.0	38.0	439	1,483	2,030.2	7.8	18/06/2026	57
4111G5000	2,040.6	42.6	322,570	36,567	2,027.8	12.8	21/05/2026	29
4112G5000	1,954.9	36.8	48	26	1,946.2	8.7	21/05/2026	29

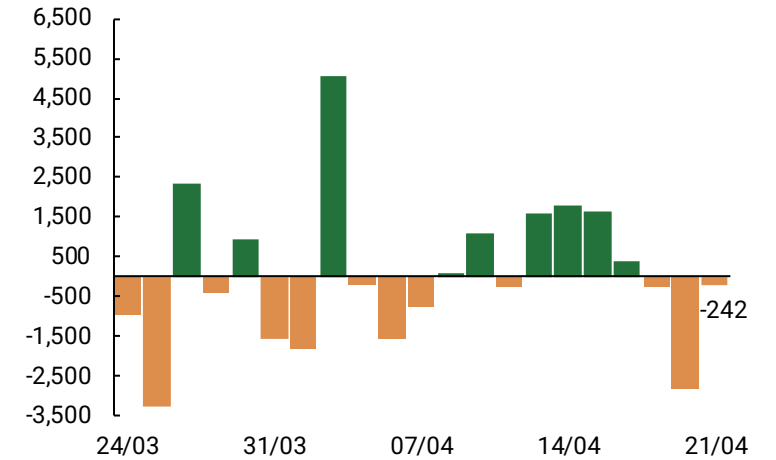
Khối lượng mở (Open interest)



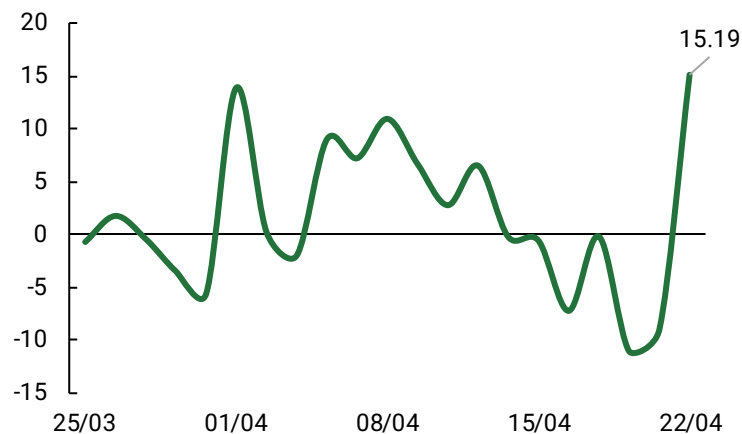
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



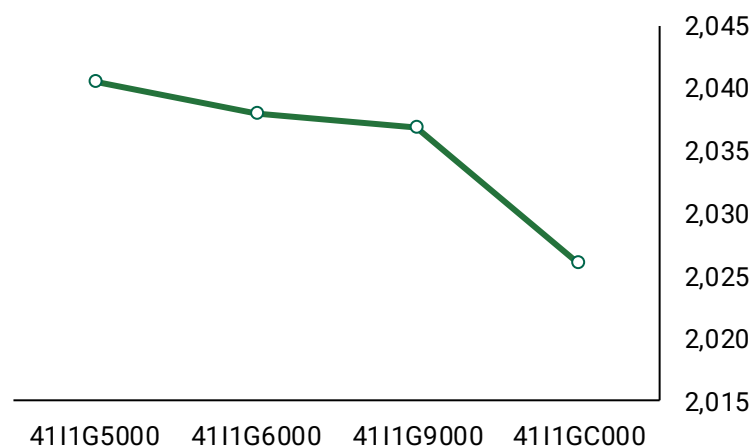
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



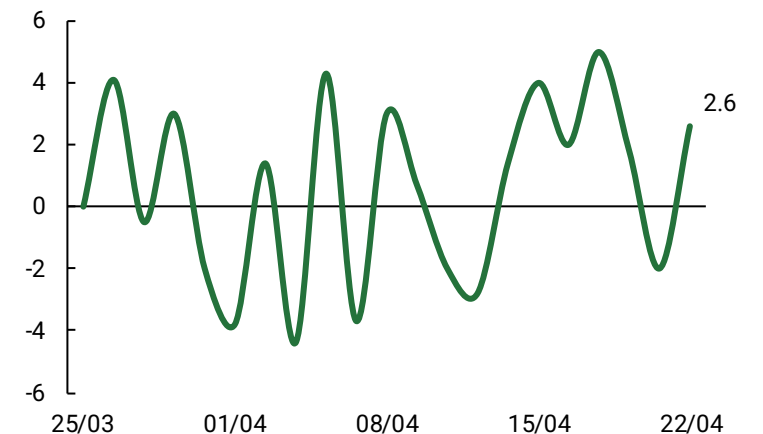
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/04 Vietnam & US - Chỉ số PMI
- 03/04 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 05/04 Hàng hóa - Cuộc họp OPEC-JMMC
- 06/04 Việt Nam - Dữ liệu kinh tế vĩ mô
Mỹ - Thời hạn đàm phán Iran
- 07/04 Việt Nam - FTSE rà soát giữa kỳ
- 09/04 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC
Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/04 Mỹ - Chỉ số CPI, Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng Michigan
- 14/04 Mỹ - Chỉ số PPI
- 16/04 Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
Trung Quốc – GDP Quý 1
- 28/04 Nhật Bản - BOJ họp và công bố lãi suất
- 29 - 30/04 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
Châu Âu - ECB họp và công bố lãi suất
Canada - BOC họp và công bố lãi suất

Ông Trump gia hạn lệnh ngừng bắn với Iran, duy trì lệnh phong tỏa Hormuz: Tổng thống Mỹ Donald Trump ra thông báo gia hạn lệnh ngừng bắn với Iran một ngày trước khi thỏa thuận hết hiệu lực, bất chấp kế hoạch vòng đàm phán mới còn bất định. Trước đó, Phó Tổng thống Mỹ JD Vance đã dự kiến sẽ đến Pakistan để nối lại đàm phán với Iran, nhưng phía Tehran từ chối tham dự, với lý do Washington đưa ra các yêu cầu phi lý. Một quan chức Nhà Trắng xác nhận rằng ông Vance sẽ không đến Pakistan vào ngày 21/4.

Tăng trưởng công nghiệp cao, tồn kho vẫn 'đè nặng': Khép lại quý I/2026, bức tranh kinh tế vĩ mô ghi nhận những gam màu sáng khi chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 9% - mức tăng cao nhất trong nhiều năm trở lại đây; trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định vai trò "đầu tàu" dẫn dắt với tốc độ tăng trưởng ấn tượng 9.7%. Tuy nhiên, tồn kho chế biến, chế tạo vẫn ở mức cao, phản ánh nghịch lý cung vượt cầu, đặt ra yêu cầu cấp thiết về kích cầu và mở rộng thị trường.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VNM - Vinamilk báo lãi tăng hơn gấp rưỡi trong quý I: Ba tháng đầu năm, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 16,178 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế vượt 2,458 tỷ đồng, tương ứng mức tăng lần lượt 24.6% và gần 55% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả trên, doanh nghiệp đã hoàn thành được 24% kế hoạch doanh thu và 25% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đã đề ra. Năm 2026, Vinamilk đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất đạt trên 66,477 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế khoảng 9,828 tỷ đồng, tương ứng mức tăng hơn 4% so với kết quả thực hiện năm 2025.

LPB - LPBank báo lãi trước thuế quý I/2026 giảm 11%: Kết thúc quý I/2026, tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 5,154 tỷ đồng, tăng 9.9% so với cùng kỳ, được hỗ trợ bởi thu nhập lãi thuần (NII) tăng 18.2% lên 3,878 tỷ đồng nhờ tín dụng tăng trưởng 14.4% so với cùng kỳ. Biên lãi ròng (NIM) thu hẹp mạnh 71 điểm cơ bản so với quý trước, xuống còn 2.67%. Tăng trưởng tín dụng của LPBank trong quý đạt 2.9%, thấp hơn mức tăng trưởng toàn hệ thống là 3.2%. Đáng chú ý, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng đột biến 290.3% so với cùng kỳ, lên 774 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận trước thuế đạt 2,826 tỷ đồng, giảm 11.0% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 19% kế hoạch năm.

PNJ lãi kỷ lục gần 1,500 tỷ đồng trong quý I: Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận vừa công bố kết quả kinh doanh quý I/2026 với doanh thu thuần đạt 17,245 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1,467 tỷ đồng, tăng lần lượt 79% và 116.5% so với cùng kỳ. Doanh thu và lợi nhuận của PNJ tăng trưởng mạnh nhờ mảng trang sức và mảng vàng miếng đều ghi nhận kết quả tích cực trong quý. So với kế hoạch 2026, công ty đã thực hiện được 35% kế hoạch doanh thu và 43% chỉ tiêu lợi nhuận.

TDH - Thuduc House được tháo gỡ các biện pháp cưỡng chế thuế: Ngày 21/4/2026, Thuduc House đã nhận được Thông báo số 9836/TB-TPHCM từ Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm số 332/2025/HC-PT ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM. Theo đó, TDH chính thức được tháo gỡ toàn bộ các biện pháp cưỡng chế thuế, khôi phục hoàn toàn các hoạt động kinh doanh và chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	55,200	73,400	33.0%	Mua
CTG	34,900	45,200	29.5%	Mua
CTD	81,100	82,900	2.2%	Nắm giữ
DBD	50,000	68,000	36.0%	Mua
DDV	27,253	35,900	31.7%	Mua
DGW	45,600	48,500	6.4%	Nắm giữ
DPG	42,400	42,900	1.2%	Nắm giữ
DPR	40,450	46,500	15.0%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,025	17,200	32.1%	Mua
EVF	13,550	14,400	6.3%	Nắm giữ
FRT	149,900	157,600	5.1%	Nắm giữ
GMD	73,500	77,000	4.8%	Nắm giữ
HAH	56,000	60,300	7.7%	Nắm giữ
HDG	27,700	34,000	22.7%	Mua
HHV	12,550	12,300	-2.0%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,200	34,300	21.6%	Mua
IMP	51,300	55,000	7.2%	Nắm giữ
KDH	25,700	38,800	51.0%	Mua
MCH	140,100	177,200	26.5%	Mua
MWG	86,400	99,600	15.3%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
NLG	28,450	39,900	40.2%	Mua
NT2	25,350	27,700	9.3%	Nắm giữ
PHR	61,500	72,800	18.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	110,000	113,300	3.0%	Nắm giữ
PVS	38,000	39,900	5.0%	Nắm giữ
PVT	22,250	18,900	-15.1%	Bán
POW	13,000	15,000	15.4%	Tăng tỷ trọng
SAB	45,050	57,900	28.5%	Mua
SSI	28,150	32,100	14.0%	Tăng tỷ trọng
TLG	50,200	50,900	1.4%	Nắm giữ
TCB	33,000	42,400	28.5%	Mua
TCM	23,400	37,900	62.0%	Mua
TRC	73,000	94,800	29.9%	Mua
VCB	59,400	84,200	41.8%	Mua
VPB	27,550	37,000	34.3%	Mua
VCG	21,650	26,200	21.0%	Mua
VHC	62,200	60,000	-3.5%	Giảm tỷ trọng
VNM	61,800	66,650	7.8%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415